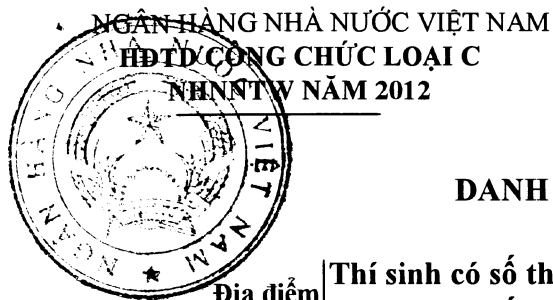


LỊCH VÀ ĐỊA ĐIỂM PHÒNG VẤN

stt	Đơn vị	Chỉ tiêu TD	Tổng số hồ sơ	Bàn phỏng vấn số	Ngày phỏng vấn	Giờ phỏng vấn	Địa điểm phỏng vấn
1	Vụ Chính sách tiền tệ	6	77	Bàn 1	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Vụ CSTT Phòng họp, Tầng 1, Nhà C
2	Vụ Quản lý NH	2	59	Bàn 2	1,5 ngày (25 và sáng 26/8/2012)	8h-17h	Vụ QLNH Phòng 514, Tầng 5, Nhà 16 Tông Đản
3	Vụ Dự báo, TKTT	4	21	Bàn 3	01 buổi (chiều 26/8/2012)	13h30-17h	Vụ DB, TKTT Phòng họp, Tầng 9, Nhà 16 Tông Đản
4	Vụ Thanh toán	8	124	Bàn 4	1,5 ngày (25 và sáng 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp số 8
	Vụ Thanh toán			Bàn 5	1,5 ngày (25 và sáng 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Cạnh Phòng họp số 2
5	Vụ Thi đua - KT	1	3	Bàn 6	01 buổi (chiều 26/8/2012)	13h30-14h	Sảnh A, Phòng họp số 8
6	Cục Phát hành và KQ	2	16	Bàn 7	01 buổi (chiều 26/8/2012)	14h00-17h	Sảnh A, Phòng họp số 8
7	Vụ Pháp chế	6	19	Bàn 8	01 buổi (chiều 26/8/2012)	13h30-17h	Sảnh A, Cạnh Phòng họp số 2

stt	Đơn vị	Chỉ tiêu TD	Tổng số hồ sơ	Bàn phỏng vấn số	Ngày phỏng vấn	Giờ phỏng vấn	Địa điểm phỏng vấn
8	Ban NH.09	5	55	Bàn 9	1,5 ngày (25 và sáng 26/8/2012)	8h-17h	Ban NH.09 Phòng họp, Tầng 10, Nhà 16 Tổng Đản
9	Vụ Kiểm toán nội bộ	5	67	Bàn 10	1,5 ngày (25 và sáng 26/8/2012)	8h-17h	Vụ KTNB D 204, Nhà D
10	Ban QLDA FSMIMS	2	6	Bàn 11	01 buổi (sáng 25/8/2012)	8h-10h	Sảnh A. Phòng họp số 2
11	Cục Công nghệ tin học	7	61	Bàn 12	1,5 ngày (chiều 25 và ngày 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp số 2
12	CQTGNSNH	10	161	Bàn 13	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp Quốc tế B
	CQTGNSNH			Bàn 14	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp số 7
13	Vụ Tín dụng	2	35	Bàn 15	01 ngày (25/8/2012)	8h-17h	Vụ Tín dụng, Phòng họp, Tầng 7, Nhà 16 Tổng Đản

stt	Đơn vị	Chỉ tiêu TD	Tổng số hồ sơ	Bàn phỏng vấn số	Ngày phỏng vấn	Giờ phỏng vấn	Địa điểm phỏng vấn
14	Sở Giao dịch	13	298	Bàn 16	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sở Giao dịch Phòng họp, Tầng 2, Nhà 16 Tổng Dân
	Sở Giao dịch			Bàn 17	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sở Giao dịch Phòng họp, Tầng 2, Nhà 16 Tổng Dân
	Sở Giao dịch			Bàn 18	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp số 6
	Sở Giao dịch			Bàn 19	02 ngày (25 và 26/8/2012)	8h-17h	Sảnh A, Phòng họp số 6
	Tổng cộng	73	1002				



Bàn số 4, 5

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ THANH TOÁN**

Địa điểm: Thí sinh có số thứ tự từ 001 -> 062 phỏng vấn tại Bàn số 4 - Phòng họp số 8 - Sảnh A | (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)
Thí sinh có số thứ tự từ 063 -> 124 phỏng vấn tại Bàn số 5 - Phòng họp số 2B - Sảnh A
Địa điểm: Phòng họp số 8 và Phòng họp số 2B - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)
Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 tại Phòng họp số 8														
1	Lê Thị Phương	Anh		7/10/1989	KTQD	QTKD quốc tế	QTKD	CQ	Giỏi	C	THVP			
2	Mai Ngọc	Anh		01/10/1989	Ngoại Thương	QTKD	QTKD		Giỏi	C	B			
3	Ngô Thái	Anh		01/7/1990	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	C	Con BB		
4	Nguyễn Phương	Anh		09/3/1990	Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
5	Nguyễn Văn	Anh		09/11/1990	ĐH Thành Tây	QTKD		CQ	Giỏi	C	B	Dân tộc		
6	Phạm Đức	Anh	16/2/1990		Ngoại thương	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
7	Phạm Thị Vân	Anh		02/02/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
8	Tạ Tuấn	Anh	21/7/1990		Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
9	Trần Thị Hải	Anh		31/5/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
10	Trương Thị Quỳnh	Châu		13/02/1990	ĐHNT	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
11	Trần Thị Ngọc	Diệp		23/1/1991	ĐH Ngoại thương	Quản trị kinh doanh quốc tế	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
12	Lê Thị Kim	Dung		15/12/1990	Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH		Giỏi	IELTS 6.0	B	Con TB		
13	Nguyễn Phương	Dung		12/10/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 730	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Lê Thùy	Dương		27/5/1990	HVNH	Quản trị DN	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
15	Nguyễn Thị Thùy	Dương		7/10/1990	KTQD	Tài chính DN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
16	Phạm Thùy	Dương		12/7/1988	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
17	Lê Văn	Đức	20/10/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
18	Khổng Thị Hương	Giang		10/10/1988	Học Viện Tài chính	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
19	Lê Hương	Giang		23/2/1990	ĐH Ngoại thương	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
20	Nguyễn Thị Hương	Giang		10/6/1988	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 tại Phòng họp số 8														
21	Nguyễn Thu	Giang		06/5/1991	ĐH Nông nghiệp HN	Kinh tế	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	C			
22	Phùng Hương	Giang		04/10/1990	Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
23	Tạ Thị Hương	Giang		27/7/1989	ĐHNT	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	TOEFL 70	B			
24	Nguyễn Thị	Hà		07/9/1985	KTQD	TTCK	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 700	B			
25	Nguyễn Thị Thái	Hà		20/4/1990	Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
26	Nguyễn Thu	Hà		30/5/1991	Ngoại Thương	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	IELTS 7.0				
27	Nguyễn Thúy	Hà		24/1/1990	Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH		Giỏi	TOEIC 895	Khá	Con TB		
28	Phạm Thị Ngọc	Hà		12/02/1991	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	B	C			
29	Phạm Thu	Hà		17/2/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con BB		
30	Trần Thúy	Hạnh		20/10/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 830	B			
31	Bùi Nguyệt	Hằng		6/11/1990	ĐH Thương mại	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
32	Bùi Thị Thu	Hằng		30/6/1991	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
33	Phạm Thị	Hậu		19/3/1989	HVTC	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
34	Đỗ Thu	Hiền		23/7/1990	ĐH Hà Nội	TCNH TA	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
35	Nguyễn Thị	Hiền		9/12/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 740	B			
36	Phạm Thị Thu	Hiền		07/6/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
37	Phạm Thị Thu	Hiền		20/9/1983	KD&CN	QTKD	QTKD		Giỏi		B			
38	Võ Thu	Hiền		06/12/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 770	B			
39	Nguyễn Duy	Hiền	31/3/1990		KTQD	QTKD CN và XD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
40	Trần Thị Hạnh	Hiệp		30/7/1985	ĐH Nông nghiệp	KTDN	KTKT	CQ	Giỏi	C	C			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012 tại Phòng họp số 8														
41	Lê Chí	Hiếu	31/1/1987		Troy (Mỹ)	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	TOEFL 510	B			
42	Vũ Trung	Hiếu	25/10/1981		KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Khá	C	B			
43	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		26/6/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	XS	C	B			
44	Trịnh Mai	Hoa		05/02/1990	HVTC	QLTCC	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 710	B			
45	Nguyễn Thị	Huệ		16/10/1990	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
46	Cần Quốc	Hùng	04/4/1989		HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
47	Nông Thanh	Huyền		15/8/1990	ĐHNT	QTKD quốc tế	QTKD	CQ	Giỏi	TOEIC 915	B	DT Tây		
48	Nguyễn Thị	Huyền		15/11/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
49	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		17/12/1989	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	TOEIC 650	B			
50	Đặng Thu	Hương		10/3/1990	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
51	Lâm Thu	Hương		05/6/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 670	B			
52	Nguyễn Thị	Hương		4/10/1990	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
53	Nguyễn Thị Thanh	Hương		16/11/1990	Kinh tế quốc dân	KTĐT	KTĐT		Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
54	Trương Thị Mai	Hương		13/8/1990	Thương mại	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
55	Phan Thị Mai	Liên		23/8/1900	ĐHNT	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
56	Bùi Thị Thùy	Linh		31/5/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP			
57	Phạm Vũ Diệu	Linh		7/3/1989	ĐH Đức Minh Đài Loan	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	C			
58	Trần Yến	Linh		5/8/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	THVP			
59	Nguyễn Thị Mai	Loan		06/2/1982	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
60	Nguyễn Thị Quỳnh	Loan		05/11/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP			
61	Nguyễn Thị	Luyên		13/6/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 635	B			
62	Bùi Diệu Ly	Ly		26/2/1990	ĐHNT	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 830	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 tại Phòng họp số 2B (cạnh Phòng họp số 2)														
63	Phạm Thị Hương	Ly		15/10/1984	DL Phương Đông	QTKD	QTKD	CQ	Khá	C	B			
64	Lê Thị Phương	Lý		6/2/1983	HVTC	Kế toán DN	TCNH	CQ	Khá	C	B			
65	Ngô Ngọc	Mai		11/3/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 890	B			
66	Trần Ngọc	Mai		06/3/1990	Kinh tế quốc dân	QTKD	QTKD		Giỏi	C	B	Dân tộc Tày		
67	Đỗ Thị Thúy	Màu		11/11/1986	ĐH Thương mại	Thương mại quốc tế	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
68	Nguyễn Trà	Mi		28/4/1990	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 825	B			
69	Phạm Công	Minh	25/9/1990		Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B	Con người nhiễm chất độc HH		
70	Nguyễn Thị	Ngân		09/3/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
71	Nguyễn Thị Thùy	Ngân		15/1/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
72	Vũ Thái	Ngân		28/3/1989	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
73	Nguyễn Thị Thúy	Ngân		07/10/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
74	Lý Thị Bích	Ngọc		29/4/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
75	Trần Thị Hồng	Nhung		04/3/1990	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
76	Ngô Thị	Nhường		12/9/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
77	Nguyễn Thị	Nhường		12/10/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 605	B			
78	Đinh Thị	Oanh		02/5/1985	Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Xuất Sắc	TOEIC 477	B			
79	Trương Thị Thanh	Phúc		27/7/1990	KTQD	KTĐT	KT	CQ	Giỏi	B	B			
80	Nguyễn Đình	Phước	21/4/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 tại Phòng họp số 2B (cạnh Phòng họp số 2)														
81	Bùi Thị Ngọc	Phương		08/10/1989	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
82	Nguyễn Thị Thúy	Phương		12/2/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
83	Trần Thị Bích	Phương		27/4/1991	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 645	B			
84	Bùi Thị Như	Quỳnh		01/01/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con BB		
85	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		15/2/1987	Kinh tế TC Vân Nam	Kinh tế học	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
86	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh		20/11/1988	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Thỏ		
87	Nguyễn Thị	Soa		20/12/1990	KTQD	TC Công	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
88	Phạm Hồng	Sơn	14/8/1990		Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
89	Nguyễn Tiến	Tạo		6/5/1990	HVTC	QT DN	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
90	Đặng Thị Thanh	Tâm		13/1/1990	Ngoại Thương	QTKD	QTKD		Giỏi	IELTS 6.5				
91	Lê Thị Băng	Tâm		14/5/1989	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
92	Lê Thị	Tân		10/5/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
93	Lê Thanh	Tú		11/11/1989	HVTC	TCQTế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
94	Lê Thị Cẩm	Tú		22/6/1990	KTQD	QTKD CN và XD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
95	Vũ Anh	Tuấn	08/10/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
96	Vũ Thị Ánh	Tuyết		09/9/1988	Kinh tế quốc dân	QTKD	QTKD		Giỏi	C	B			
97	Trịnh Thị Hồng	Thái		07/9/1990	ĐHTM	QTKD (TMQT)	QTKD	CQ	Giỏi	B	B	Con BB		
98	Bùi Phương	Thanh		23/12/1990	ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
99	Trần Nhật	Thanh		16/2/1990	ĐH Thương mại	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
100	Lê Phương	Thào		08/7/1988	Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h30 - 11h30 ngày 26/8/2012 tại Phòng họp số 2B (cạnh Phòng họp số 2)														
101	Nguyễn Thị Phương	Thào		23/12/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
102	Nguyễn Thị Phương	Thào		10/02/1990	ĐH Hòa Bình	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
103	Trần Phương	Thào		09/02/1984	ĐH TH Aix-Marseille II	QTKD	QTKD	CQ	Khá	C	B			
104	Nguyễn Thị Minh	Thoa		19/01/1991	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 480	B			
105	Lê Thị	Thu		20/9/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
106	Cao Thị Thanh	Thùy		07/12/1988	Kinh tế quốc dân	KTĐT	KTĐT		Giỏi	TOEIC 645	B			
107	Nguyễn Thị	Thùy		7/6/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
108	Lê Thị	Thúy		09/4/1990	Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
109	Võ Thị	Thúy		05/9/1990	Ngoại Thương	TCNH	TCNH		Giỏi	TOEIC 725	B			
110	Đỗ Anh	Thư		01/01/1990	ĐH Đại Nam	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
111	Bùi Thu	Trang		24/12/1990	DL. Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
112	Hoàng Thanh	Trang		25/5/1988	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 680	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
113	Lê Thu	Trang		13/8/1989	KTQD	Ngân hàng	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B	Con BB		
114	Lò Hải	Trang		22/9/1986	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Thái		
115	Nguyễn Thị Hồng	Trang		23/6/1986	KTQD	QTKD (DL và KS)	QTKD	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
116	Nguyễn Thị Huyền	Trang		29/9/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 675	B			
117	Nguyễn Thu	Trang		29/11/1989	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 710	B			
118	Trịnh Thị Thu	Trang		16/7/1990	Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH		Giỏi	TOEIC 775	Giỏi			
119	Nguyễn Thành	Trung	18/1/1987		HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
120	Nguyễn Thị	Vân		17/4/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi		B			
121	Phạm Thị Thanh	Xuân		17/2/1990	Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH		Giỏi	C	B			
122	Nguyễn Hải	Yến		24/8/1990	ĐH Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
123	Trần Thị	Yến		01/4/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 725	B			
124	Trần Thị Hải	Yến		01/3/1990	ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 685	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



HOÀN HẠNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐTD CÔNG CHỨC LOẠI C
NHINTW NĂM 2012

Bản số 11

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN FSMIMS

Địa điểm: Phòng họp số 2 - Sảnh A (Đi công 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Từ 8h00 - 10h00 ngày 25/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
1	Nguyễn Thị	Hằng		15/2/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
2	Phạm Thị	Huyền		15/3/1985	ĐHTM	KT-TC DNTM	KTKT	Liên thông	Giỏi	C	THVP			
3	Nguyễn Thị Thanh	Hương		23/9/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	Toeic 745	B			
4	Nguyễn Ngọc	Mai		19/3/1988	Bắc Kinh - Trung Quốc	Kinh tế	Kinh tế	CQ	Giỏi	B	B			
5	Trần Thị Thu	Ngân		15/11/1983	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Khá	C	B			
6	Nguyễn Thị	Thúy		27/5/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phòng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NH. 09

Địa điểm: Phòng họp Ban QLDA NH. 09 - Tầng 10 (Đi cổng 16 Tông Đản - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Lã Hoàng	Anh	11/4/1986		ĐHXD	XD Cầu đường	Xây dựng	CQ	Khá	C	B			
2	Vũ	Anh	12/5/1981		ĐHXD	XD Cảng - Đường thủy	Xây dựng	CQ	Giỏi					
3	Giang Thanh	Bình		28/2/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 7.5	B			
4	Trương Tiến	Bộ	30/1/1984		ĐHXD	Xây dựng cầu đường	Xây dựng	CQ	Khá	C	B			
5	Trần Thị	Dung		7/2/1989	KTQD	Quản trị nhân lực	QTNL	CQ	Giỏi	C	B			
6	Vũ Thùy	Dương		11/11/1989	KTQD	Quản trị nhân lực	QTNL	CQ	Giỏi	C	B			
7	Nguyễn Thị Trang	Đài		27/7/1990	HVNH	Tiếng Anh Tài chính NH	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
8	Tạ Thùy	Giang		06/7/1989	KTQD	TA thương mại	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	ĐH	B			
9	Đỗ Thị Thu	Hà		04/12/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	C			
10	Nguyễn Minh	Hằng		2/01/1987	ĐHQG	Luật Dân sự	Luật	CQ	Giỏi	C	C			
11	Nguyễn Hải	Hậu		20/4/1990	Lao động xã hội	Quản trị nhân sự	Quản trị nhân sự	CQ	Giỏi	C	B			
12	Lưu Thị	Hoa		16/5/1990	KTQD	QTNL	QTNL	CQ	Giỏi	C	B			
13	Bùi Minh	Huệ		25/2/1987	ĐHXD	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Định Thị	Huyền		12/4/1990	HVNH	Tiếng Anh TCNH	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	ĐH	B			
15	Nguyễn Thị Thu	Huyền		11/5/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi		B			
16	Trần Thị Thanh	Huyền		02/7/1989	HVNH	Tiếng Anh TCNH	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
17	Lê Thị	Hương		8/7/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TA giao tiếp	B			
18	Lương Thu	Hương		19/10/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
19	Vũ Thị Thu	Hương		26/10/1985	Kiến trúc HN	Quy hoạch	Kiến trúc	CQ	TBK	C	B	Con TB		
20	Vũ Thị Thu	Hương		01/4/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
21	Trương Quốc	Kiên	20/2/1987		ĐHXD	XD DD và Công nghiệp	Xây dựng	CQ	Khá	B	B	Con TB, BB		
22	Nguyễn Thị Hương	Liên		26/9/1990	ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
23	Nguyễn Thùy	Linh		6/10/1990	HVTC	Tiếng Anh Tài chính, kế toán	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	C	B			
24	Văn Thị Thùy	Linh		13/9/1989	HVNH	Tiếng Anh Tài chính NH	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	C			
25	Hà Thị	Loan		4/10/1990	ĐHNT	Kinh tế đối ngoại	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEFL 97	B			
26	Phạm Thị Thanh	Loan		10/01/1989	ĐH Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Xây dựng	CQ	Khá	C	B			
27	Đặng Anh	Minh	30/11/1984		ĐH Kiến trúc HN	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	Khá	B	B			
28	Hoàng Minh	Nghĩa	7/3/1985		Kiến trúc HN	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	TBK	C				
29	Nguyễn Thị	Nghĩa		28/11/1990	KTQD	QTNL	QTNL	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
30	Định Thị Thanh	Ngọc		24/10/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 730	B			
31	Nguyễn Thị Như	Ngọc		27/12/1989	KTQD	Quản trị nhân lực	QTNL	CQ	Giỏi	TOEIC 905	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
32	Nghiêm Hồng	Nhung		29/12/1989	Xây dựng	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	B	B			
33	Phạm Ngọc	Phước	28/3/1985		ĐH Xây dựng	XD dân dụng và CN	Xây dựng	CQ	Khá	C	B			
34	Đinh Huệ	Phương		2/1/1990	ĐH Ngoại thương	Kinh tế quốc tế	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
35	Đỗ Thi Minh	Phương		10/10/1988	KHXXH&NV	QTNL	QTNL	CQ	Giỏi	ĐH Pháp, C T. Anh	B			
36	Phạm Thị Lan	Phương		29/3/1984	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			
37	Phạm Nguyễn Vân	Phương		14/10/1987	ĐHXD	Xây dựng DD và CN	Xây dựng	CQ	Khá	IELTS 5.5	B			
38	Lâm Hồng	Phượng		32929	Xây dựng	Kiến trúc quy hoạch	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			
39	Nguyễn Thái	Tâm	20/12/1988		HV Kỹ thuật QS	Xây dựng	Xây dựng	CQ	Khá	B	A			
40	Nguyễn Quang	Tuấn	14/9/1985		ĐH American world	Quản trị nhân sự	Quản trị nhân sự	CQ	Khá					
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
41	Phạm Văn	Tuấn	09/6/1985		ĐH Kiến trúc HN	Xây dựng dân dụng	Xây dựng	CQ	TBK	B	B	Con TB		
42	Đào Duy	Tùng	27/10/1987		Xây dựng	XD dân dụng và CN	Xây dựng	CQ	TBK	B	B			
43	Nguyễn Thị	Thắm		3/2/1990	KTQD	Quản trị nhân lực	QTNL	CQ	Giỏi	Toeic 540	VP			
44	Nguyễn Thị	Thành		21/02/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
45	Nguyễn Văn	Thế	28/02/1988		ĐHXD	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	B	B			
46	Lê Thị Thanh	Thủy		19/11/1989	ĐHNH	Tiếng Anh	Tiếng Anh	CQ	Giỏi	ĐH	B			
47	Nguyễn Thanh	Thủy		11/10/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
48	Nghiêm Thị	Thúy		4/12/1989	KTQD	Quản trị nhân lực	QTNL	CQ	Giỏi	TOEIC 535	B			
49	Phạm Thành	Thức	24/4/1985		ĐH Phương Đông	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	Khá	B	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
		Nam	Nữ										
50	Nguyễn Thị Huyền Trang		13/9/1989	ĐH Kiến trúc HN	XD DD và Công nghiệp	Xây dựng	CQ	Khá	C	C			
51	Nguyễn Thị Liên Trang		21/10/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
52	Nguyễn Viết Trường	03/4/1987		ĐH Xây dựng	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B	SQuan dự bị		
53	Nguyễn Duy Văn	27/2/1988		ĐHXD	XD Cầu đường	Xây dựng	CQ	Khá	B	Ko			
54	Phan Thị Hiền Vi		28/6/1984	Kiến trúc HN	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			
55	Trần Thị Hải Yến		30/1/1986	KTQD	Kinh tế lao động	QTNL	CQ	Giỏi	Toeic 730				

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỢP ĐỒNG CHỨC LOẠI C
NIÊN TW NĂM 2012

Bàn số 13, 14

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Địa điểm

Thí sinh có số thứ tự từ 001 -> 080 phỏng vấn tại Bàn số 13 - Phòng họp Quốc tế B - Sảnh A

Thí sinh có số thứ tự từ 081 -> 161 phỏng vấn tại Bàn số 14 - Phòng họp số 7 - Sảnh A

(Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn
Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Đỗ Việt	Anh	11/8/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
2	Hoàng Tuấn	Anh	17/6/1989		HVNH	TTQT	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
3	Hoàng Văn	Anh	08/2/1989		ĐHTM	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
4	Khổng Tuấn	Anh	6/11/1988		ĐHKTDN (TQ)	TC	TC-NH			B	B	Con TB		
5	Lê Việt	Anh	14/4/1988		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
6	Nguyễn Đức	Anh	09/10/1990		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	Toeic 545	B			
7	Nguyễn Minh	Anh	21/12/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
8	Nguyễn Tuấn	Anh	06/3/1989		HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Khá	IELTS 6.0	B	Con TB		
9	Phạm Hùng	Anh	02/5/1985		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
10	Phạm Ngọc	Anh	19/11/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
11	Vũ Thế	Anh	13/3/1983		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
12	Hoàng Đình	Bách	23/8/1987		HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Khá	C	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
13	Trần Quang	Bảo	26/8/1990		HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B		
14	Hoàng Minh	Cường	13/10/1984		HVNH	NHTM	TC-NH	ĐHLT	Khá	C	B		
15	Nguyễn Mạnh	Cường	15/6/1989		ĐHQG Hà nội	KT,PT và kiểm toán	KTKT	CQ	Khá	C			
16	Nguyễn Mạnh	Cường	5/10/1989		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B		
17	Trần Văn	Chinh	07/10/1990		Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B		
18	Khổng Đức	Chinh	21/9/1990		Học viện Ngân hàng	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B		
19	Nguyễn Đức	Chinh	06/04/1990		ĐHKQTĐ	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B		
20	Hoàng Phúc	Chung	14/11/1990		KTQĐ	TCDN	TCNH	CQ	Khá	C	B	DT Sản chi	
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012													
21	Lê Trần	Dũng	8/10/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B		
22	Nguyễn Duy	Dũng	14/11/1990		KTQĐ	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	THVP	Con TB	
23	Phạm Khánh	Dũng	26/10/1990		ĐHKDCN	TC-NH	TC-NH	CQ	Khá	B	B		
24	Tạ Văn	Dũng	30/10/1988		KTQĐ	KT Đầu tư	Kinh tế	CQ	Khá	C	B		
25	Trịnh Tuấn	Dũng	22/10/1987		HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Khá	C	B		
26	Đào Mạnh	Duy	18/12/1990		ĐHKQTĐ	TCNH	TC-NH	CQ	Giỏi	C			
27	Nguyễn Lê Khánh	Duy	22/12/1990		HVNH	QTDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B		
28	Trương Công Chính	Đại	03/12/1989		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	C	B	Con TB	
29	Đinh Trọng	Đạt	13/12/1988		KTQĐ	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	THVP		
30	Hoàng Chí	Đắc	25/6/1990		HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Khá	C	THVP		

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
31	Nguyễn Ngọc	Diệp	04/4/1987		Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH	LT	Khá	C	B			
32	Nguyễn Thành	Đô	28/9/1990		HVTC	NH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
33	Dương Trọng	Đức	28/6/1990		KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
34	Hoàng Ngọc	Đức	7/8/1986		HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Khá	C	B			
35	Lê Minh	Đức	02/11/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B	DT Tây		
36	Nguyễn Mạnh	Đức	14/5/1986		KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
37	Nguyễn Minh	Đức	13/8/1990		ĐHNT	TC-NH	TC-NH	CQ	Giỏi	C	B			
38	Nguyễn Minh	Đức	26/10/1983		HVNN và TMQT (Pháp)	TC	TC-NH			Toeic 490	ĐH			
39	Nguyễn Trung	Đức	02/10/1986		Đại học Nottingham	TC,KT và Quản lý	TC-NH		Khá	IELTS 7.0	B			
40	Nguyễn Trung	Đức	12/12/1989		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
41	Vũ Đình	Đức	18/12/1989		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
42	Nguyễn Đăng	Giang	03/4/1990		Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
43	Trần Tuấn	Giang	02/7/1989		Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	Liên thông	Khá	C	B			
44	Mai Việt	Hà	30/11/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
45	Nguyễn Viết	Hải	24/1/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
46	Trịnh Duy	Hải	07/11/1989		Minh Tân - Đài Loan	TCNH	TCNH	CQ	Khá	B	B			
47	Trịnh Xuân	Hải	25/1/1987		ĐHKQTQD	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
48	Trương Thanh	Hải	03/3/1990		Học viện Ngân hàng	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
49	Vũ Hoàng	Hải	08/10/1990		HVNH	KDCK	TC-NH	CQ	Khá	C	C			
50	Chu Thế	Hiền	18/4/1989		HVTC	QLTCC	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
51	Phan Phước	Hiệp	26/5/1990		Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
52	Đặng Trung	Hiếu	01/11/1990		HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Khá	C	B			
53	Vũ Xuân	Hiếu	19/12/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
54	Lê Văn	Hòa	25/12/1989		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
55	Nguyễn Xuân	Hòa	20/11/1988		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
56	Nguyễn Bá	Hoàn	20/10/1986		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
57	Đoàn Văn	Huân	14/1/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
58	Đoàn Văn	Hùng	8/3/1989		HVTC	TCNH	TC-NH	CQ	Giỏi	C	B			
59	Ngô Văn	Hùng	15/6/1985		ĐHCN TPHCM	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
60	Nguyễn Long	Hùng	13/1/1989		ĐH Kharcốp	KTKT	KTKT							
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012														
61	Nguyễn Thành	Huy	04/10/1990		HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Khá	C	B			
62	Nguyễn Văn	Huy	10/8/1986		ĐHTM	KTTM	KTĐT	CQ	Khá	C	B			
63	Nguyễn Xuân	Huy	9/9/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
64	Đặng Văn	Hưng	5/9/1990		ĐHKQTQD	TCDN	TC-NH	CQ	Giỏi	C	B			
65	Đặng Việt	Hưng	14/6/1990		ĐHKTKTCN	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	B	B			
66	Mại Quang	Hưng	23/12/1989		ĐHQG Hà nội	KT,PT và kiểm toán	KTKT	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
67	Ngô Tiến	Hưng	11/7/1983		KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Khá		B			
68	Nguyễn Hữu	Hưng	26/4/1981		Bordeaux IV	Quản lý tài chính	TCNH	CQ	Khá	C	VP			
69	Nguyễn Tiến	Hưng	17/6/1989		KTQD	KTĐầu tư	KTĐT	CQ	Khá	TOEIC 525	B			
70	Phạm Quang	Hưng	01/6/1990		ĐHTM	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
71	Phạm Tuấn	Hưng	25/11/1990		HVNH	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
72	Đặng Trung	Kiên	04/7/1982		ĐHTHQG Tula Nga	KT	TC-NH			B	B			
73	Nguyễn Bảo	Kiên	29/5/1990		ĐHKDCN	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	B	THVP			
74	Nguyễn Xuân	Kiên	03/01/1990		ĐHKQTQD	KT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
75	Phạm Quân	Kỳ	03/5/1990		ĐHKHKT Minh Tân (TQ)	TCNH	TC-NH		Khá	B	B			
76	Mai Quang	Khánh	09/10/1989		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
77	Trần Việt	Khánh	12/10/1990		ĐHKQTQD	TCDN	TC-NH	CQ	Giỏi	C	B			
78	Phạm Trọng	Khôi	20/12/1989		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
79	Đặng Gia	Lăng	9/07/1990		HVTC	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B	Con TB		
80	Nguyễn Tùng	Lâm	22/12/1988		New South Wales - Úc	TCQTế	TCNH	CQ	Khá		C			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
81	Kiều Quốc	Lập	2/2/1990		Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
82	Đặng Đình	Linh	14/3/1988		Tài chính Thiên Tân	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
83	Nguyễn Chí	Linh	9/5/1989		ĐHKQTQD	KTĐT	KTĐT	CQ	Khá	C	B	Con TB		
84	Trần Ngọc	Long	7/8/1988		Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
85	Trần Triệu	Long	20/02/1985		ĐH Help	KT	TC-NH		Khá		B			
86	Tạ Quang	Lộc	26/12/1987		ĐHKQTĐ	KDNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
87	Phùng Đức Thành	Luân	27/1/1989		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
88	Hoàng Quang	Mạnh	16/8/1988		ĐH Thương mại	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
89	Trần Quang	Mạnh	8/11/1990		HVTC	QLTCC	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
90	Dương Anh	Minh	14/9/1986		HVTC	KT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
91	Hà Công	Minh	24/12/1986		HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Khá	C	B			
92	Hoàng Bình	Minh	4/9/1990		HVNH	KTDN	KTKT	CQ	Khá	C	B			
93	Nguyễn Tiến	Minh	26/12/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	C			
94	Vũ Hồng	Minh	24/1/1990		HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
95	Đào Huy	Nam	10/4/1991		HVTC	Tài chính DN	TCNH	CQ	Khá	C	B			
96	Lượng Hải	Nam	11/5/1989		ĐHKQTĐ	KT	KTKT	CQ	Khá	C	C	DT Tây		
97	Ngô Thanh	Nam	18/7/1989		ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế đối ngoại	CQ	Khá	C	B	Con TB		
98	Nguyễn Thành	Nam	04/3/1990		KTQĐ	TC	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
99	Từ Hòa	Nam	30/4/1987		ĐH QGHN	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	C			
100	Trần Duy	Nam	27/01/1989		ĐH Hà Nội	KT	KTKT	CQ	Khá	TOEFL 560	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
101	Trần Hoài	Nam	18/7/1990		HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Khá	C	B			
102	Hồ Bảo	Ngọc	20/12/1986		HVNH	TTQT	KTKT	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
103	Đặng Văn	Nhân	7/1/1988		HVTC	KTDN	KTKT	LT	Khá	B	B			
104	Nguyễn Nam	Phi	16/1/1986		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
105	Đào Phan Vũ	Phong	18/7/1989		HVNH	KDCK	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
106	Đinh Hồng	Phong	17/4/1990		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
107	Trần Xuân	Phúc	22/3/1984		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	B	B			
108	Nguyễn Văn	Phương	19/4/1982		ĐHKQTĐ	KTTH	KTKT	CQ	Khá		B			
109	Trần	Phương	19/5/1989		ĐHKQTĐ	NH	TC-NH	CQ	Giỏi	C	C			
110	Nguyễn Ngọc	Quang	5/7/1984		HVTC	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
111	Phùng Thế	Quang	13/4/1984		ĐHKQTĐ	Kiểm toán	KTKT	CQ	Khá	C	B			
112	Lê Mạnh	Quân	29/08/1990		ĐHKQTĐ	TKKinh doanh	KTĐT	CQ	Khá	C	B			
113	Nguyễn Minh	Quân	10/01/1988		HVTC	TCQTế	TCNH	CQ	Khá	C	B			
114	Trần Hồng	Quân	22/6/1989		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
115	Phan Quang	Quý	13/5/1990		ĐHTM	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	Toeic 630	B			
116	Nguyễn	Quyết	21/3/1989		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
117	Kiều Ngọc	Son	28/5/1988		HVTC	TCC	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
118	Phạm Đức	Son	09/11/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	TOEIC 745	B	Con BB		
119	Trần Trường	Son	16/8/1990		ĐHKQTĐ	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
120	Nguyễn Thành	Tâm	08/8/1987		ĐHKQTĐ	KT	KTKT	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
121	Đỗ Duy Tân	14/4/1991		ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B				
122	Vũ Xuân Tiệp	06/12/0990		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	C	B				
123	Đỗ Mạnh Toàn	12/9/1990		ĐHKTQD	TCNH	TC-NH	CQ	Giỏi	ielts 5.5	B				
124	Hoàng Anh Toàn	7/3/1990		ĐHKTQD	KTĐT	KTĐT	CQ	Khá	C	B				
125	Nguyễn Công Toàn	5/12/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Khá	C	B				
126	Nguyễn Duy Toàn	26/5/1989		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B				
127	Trần Phạm Song	01/5/1990		HVTC	KT	KTKT	CQ	Khá	C	B				
128	Hoàng Minh Tú	13/4/1989		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B				
129	Phạm Tuấn Tú	28/11/1990		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	SX	C	B				
130	Hoàng Xuân Tuấn	24/11/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B	Con TB			
131	Nguyễn Huy Tuấn	10/9/1990		HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Khá	C	B				
132	Lê Anh Tuấn	21/10/1988		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Giỏi	C	B				
133	Nguyễn Anh Tuấn	18/8/1987		HVNH	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	Toeic 590	B				
134	Lê Thanh Tùng	21/5/1986		HVTC	Kế toán	KTKT	Liên thông	Khá	C	B				
135	Nguyễn Xuân Tùng	14/10/1990		ĐHKDCN	TCNH	TC-NH	CQ	Khá	C	B				
136	Đỗ Đức Thành	30/12/1990		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá	TOEIC 780	B	Con TB			
137	Nguyễn Tất Thành	26/1/1991		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B				
138	Nguyễn Tiến Thành	23/10/1988		HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Khá	C	B				

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
139	Nguyễn Trung	Thành	17/07/1989		HVNH	TCDN	KTKT	CQ	Khá	C	B			
140	Nguyễn Việt	Thành	3/7/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 780	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012														
141	Nguyễn Xuân	Thành	1/11/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
142	Nguyễn Xuân	Thành	15/2/1990		ĐH Vinh	TCNH	TCNH	CQ	Khá	B	B			
143	Nguyễn Trọng	Thảo	23/5/1990		HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Khá	C	B			
144	Cao Quyết	Thắng	02/5/1990		HVNH	TCDN	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
145	Cao Xuân	Thắng	10/11/1989		ĐHNT	QTKDQT	QTKD	CQ	Khá	Toeic 620	B			
146	Đàm Quốc	Thắng	03/12/1989		HVNH	NHTM	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
147	Đinh Hưu	Thắng	10/8/1989		ĐHKQTĐ	Kiểm toán	KTKT	CQ	Khá	C	B			
148	Lê Duy	Thị	16/7/1988		HVTC	Kế toán	KTKT	Liên thông	Khá	C	B			
149	Tô Vĩnh	Thông	21/6/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
150	Phạm Văn	Thuấn	22/10/1987		ĐH Help	KT	KTKT		Khá	C	B			
151	Trịnh Quý	Trọng	13/01/1989		KTQD	Kiểm toán	KT-KT	CQ	Giỏi	TOIEC 765	B			
152	Đinh Thành	Trung	12/6/1989		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B	Con TB		
153	Lê Quang	Trung	01/3/1989		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	IELTS 5.5	B			
154	Nguyễn Thành	Trung	2/4/1991		HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Khá	C	B			
155	Trần Đức	Trung	21/7/1990		Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Khá	TOEIC 645	B			
156	Trần Nam	Trung	21/7/1989		HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
157	Dương Xuân	Trường	05/11/1989		ĐHKQTĐ	TTCK	TC-NH	CQ	Khá	C	B			
158	Nguyễn Kim	Trường	20/5/1990		KTQĐ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
159	Nguyễn Bá	Việt	21/7/1980		ĐH Nga	TCTD	TC-NH			B				
160	Bùi Đức	Vinh	02/9/1990		HVTC	KT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
161	Nguyễn Quang	Vinh	22/5/1985		ĐHKQTĐ	KTĐT	KTĐT	CQ	Khá	IELTS 6.0	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
CỤC PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ

Địa điểm: Phòng họp số 8 - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

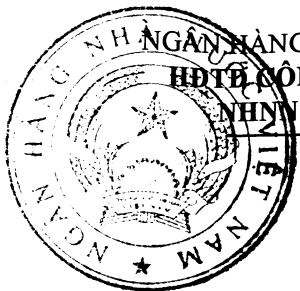
Thời gian: Từ 14h00 - 17h00 ngày 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
1	Nguyễn Minh	Dũng	13/2/1981		Kiến trúc	Kiến trúc quy hoạch	Kiến trúc	CQ	Khá	B	B			
2	Nguyễn Thành	Đạt	15/12/1983		Kiến trúc	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	TBK	C	B			
3	Nguyễn Tiến	Giáp	15/2/1983		ĐH XD	Xây dựng DD và CN	Xây dựng	CQ	TB Khá	C	B			
4	Hoàng Ngọc	Hà	2/8/1988		ĐH XD	Xây dựng DD và CN	Xây dựng	CQ	Khá	B	B			
5	Nguyễn Văn	Hà	07/10/1981		Kiến trúc	Xây dựng dân dụng	Xây dựng	CQ	TBK	B	B			
6	Bùi Thanh	Hải	22/12/1988		HV Kỹ thuật QS	Xây dựng	Xây dựng	CQ	TBK	C	C			
7	Trần Quang	Huân	28/9/1989		HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
8	Dương Khánh	Huyền		31/12/1989	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Mường		
9	Lê Hoàng	Linh	25/9/1988		Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Kiến trúc	CQ	TBK	C	B			
10	Nguyễn Lê	Nguyên	10/10/1983		Kiến trúc	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	TBK	C	C			
11	Đỗ Hồng	Nhung		13/9/1986	Xây dựng	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			
12	Nguyễn Xuân	Tiến	27/1/1983		ĐH Kiến trúc	Quy hoạch Đô thị	Kiến trúc	CQ	TB Khá	B	B			
13	Đỗ Thanh	Tùng	08/4/1989		Kiến trúc	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	TBK	C	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
		Nam	Nữ										
14	Nguyễn Thị Thanh Mai		21/6/1988	KTQD	Tài chính doanh nghiệp	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 525	B			
15	Nguyễn Bá Thắng	20/3/1987		ĐH XD	Kiến trúc	Kiến trúc	CQ	Khá	C	B			
16	Lê Thị Minh Thương		07/3/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐTB CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNTW NĂM 2012

Bản số 6

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

Địa điểm: Phòng họp số 8 - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Từ 13h30 - 14h00 ngày 26/8/2012

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
		Nam	Nữ										
1	Nguyễn Thị Hải		21/9/1990	KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 585	B			
2	Lê Thị Hoàng		9/5/1984	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	EILTS 5.0		Con TB		
3	Hồ Thị Thanh Nga		17/01/1989	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
4	Nguyễn Thị Thắng		02/12/1989	ĐH QGHN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	ĐH	B	Con TB		

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ PHÁP CHẾ**

Địa điểm: Phòng họp số 2B (cạnh Phòng họp số 2) - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012



TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
1	Nguyễn Thị Vân	Anh		25/7/1989	KTQD	Luật KD	Luật	CQ	Giỏi	TOEIC 715	B			
2	Trần Mai	Anh		22/10/1990	ĐH QGHN	Luật KT	Luật	CQ	Giỏi	C	B			
3	Trần Thị Thanh	Hải		31/3/1990	ĐHQGHN	Kinh tế-Lao động	Luật	CQ	XS	B	B			
4	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		01/5/1986	ĐH QGHN	Luật KD	Luật	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
5	Nguyễn Thị	Hường		10/12/1984	Luật HN	Luật QT	Luật	CQ	Khá	C	B	Con TB		
6	Trần Diệu	Linh		12/12/1990	KTQD	Luật Kinh doanh	Luật	CQ	Giỏi	C	B			
7	Trần Thị Khánh	Linh		8/7/1990	KTQD	Luật KD	Luật	CQ	Giỏi	TOEIC 925	B			
8	Nguyễn Lê Đức	Minh	9/5/1990		KTQD	Luật Kinh doanh	Luật	CQ	Giỏi	C	B			
9	Nguyễn Hồ	Nam	2/1/1988		Luật HN	Pháp luật kinh tế	Luật	CQ	Khá	C	B			
10	Ngô Thị Thu	Ngân		22/7/1990	HV Ngoại giao	Luật Quốc tế	Luật	CQ	Giỏi	C	C			
11	Nguyễn Thị Kim	Nhung		29/5/1984	Luật HN	Luật	Luật	CQ	Khá	B	B			
12	Dương Thị Hà	Quyên		12/2/1987	Luật HN	Luật DS	Luật	CQ	Khá	B	B			
13	Nguyễn Thị Hợp	Quyên		27/10/1989	ĐHQGHN	Luật hợp đồng	Luật	CQ	Giỏi	C	B			
14	Nguyễn Thị Nhu	Quỳnh		24/10/1990	KTQD	Luật Kinh doanh	Luật	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
15	Chữ Lê	Thành	4/5/1988		Luật HN	Pháp luật kinh tế	Luật	CQ	Khá	C	C			
16	Nguyễn Quỳnh	Thoa		31/7/1990	KTQD	Luật KD	Luật	CQ	Giỏi	B	B			
17	Nguyễn Thị Lương	Trà		26/05/1986	Luật HN	Luật KT	Luật	CQ	Khá	B	B			
18	Phan Thị Thùy	Trang		23/7/1990	ĐH QGHN	Luật KT	Luật	CQ	Giỏi	C	B			
19	Phùng Thị Tuyết	Trình		08/2/1988	Luật HN	Luật DS	Luật	CQ	Khá	B	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phòng vẫn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN





DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ TÍN DỤNG

Địa điểm: Phòng họp Vụ Tín dụng - Tầng 7 (Đi cổng 16 Tông Đản - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012



TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Trần Bình	An	10/9/1990		ĐH Wisconsin - Madison	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi					
2	Nguyễn Quốc	Anh	06/10/1984		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi		VP			
3	Lê Linh	Chi		11/11/1990	ĐH Hà Nội	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
4	Lê Ngọc	Chi		03/11/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
5	Dương Hương	Giang		08/4/1990	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
6	Lê Thị Hải	Hà		17/1/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
7	Nguyễn Thị	Hạnh		30/10/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
8	Vũ Thị Thu	Hào		30/10/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH		Giỏi	C	B			
9	Nguyễn Thanh	Hiếu	14/01/1990		ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
10	Trần Minh	Hiếu	22/5/1990		HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 585	x			
11	Nguyễn Duy	Hùng	29/8/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
12	Nguyễn Thanh	Huyền		13/9/1985	ĐHKTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
13	Nguyễn Thu	Hương		25/3/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Phùng Thị Hương	Lan		01/7/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			
15	Phó Thùy	Linh		15/10/1989	HVNH	TCDN	TCNH	LT	Giỏi	Toeic 740	B			
16	Trần Thị Hải	Linh		22/11/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
17	Chu Xuân	Mạnh	25/12/1988		HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
18	Nguyễn Phương	Nam	02/3/1984		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
19	Khúc Thị Thanh	Nhàn		14/2/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 660	B			
20	Nguyễn Duy	Phương	27/2/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 865	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
21	Phạm Lan	Phương		08/10/1988	HVTC	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
22	Nguyễn Bích	Phượng		02/12/1989	HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Xuất sắc	TOEIC 705	B			
23	Lê Thu	Quỳnh		31/8/1988	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
24	Nguyễn Thị	Quỳnh		20/10/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
25	Hoàng Thị Cẩm	Tú		17/3/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
26	Hà Huy	Tuấn	10/4/1990		ĐHKQTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
27	Đỗ Thị Loan	Thảo		14/01/1988	KD&CN	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
28	Nguyễn Thị	Thu		1/11/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 615	B			
29	Đỗ Thị Thu	Thủy		09/8/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 765	B			
30	Hoàng Thị	Thủy		04/11/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
31	Võ Thị Quỳnh	Trang		03/5/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
32	Vũ Thị Thu	Trang		25/11/1984	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Khá	C	B			
33	Nguyễn Thu	Trâm		22/3/1987	ĐH Warsaw(Balan)	Ngân hàng	TCNH		Khá	C	B			
34	Nguyễn Thị Hải	Vân		01/12/1987	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
35	Lê Thị Hồng	Xuân		01/4/1990	ĐH QGHN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phòng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)

VỤ DỰ BÁO, THỐNG KÊ TIỀN TỆ

Địa điểm: Phòng họp Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ - Tầng 9 (Đi cổng 16 Tông Đản - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
1	Đồng Thị	An		3/6/1990	KTQD	Toán tài chính	Toán Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
2	Phạm Kim	Chi		12/8/1990	KTQD	Toán kinh tế	Toán Tài chính	CQ	Giỏi	C	VP nâng cao	Con TB		
3	Nguyễn Quang	Đạt	18/9/1990		KTQD	Thống kê kinh doanh	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	VP nâng cao			
4	Nguyễn Thị	Giang		3/9/1990	KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
5	Đặng Thị	Hằng		10/10/1989	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	Toeic 535/990	VP nâng cao	Con TB		
6	Đặng Thị Thu	Hiền		08/3/1990	KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	TOEIC 670	B			
7	Phùng Thị Thanh	Hoa		22/2/1990	HVNH	Ngân hàng Thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
8	Phí Minh	Hồng		12/3/1988	ĐH Ngoại thương	KTĐN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
9	Nguyễn Trung	Kiên	01/2/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
10	Trần Thế	Lực	25/9/1990		KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	C	B			
11	Đào Thị Thúy	Nga		23/6/1990	KTQD	Toán tài chính	Toán Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
12	Trịnh Thị Thanh	Nhàn		22/11/1984	Hertfordshire (Anh)	TCNH	TCNH	CQ	Khá		VP			
13	Lã Thanh Lê	Phương		31/7/1990	Puget Sound (Mỹ)	Kinh tế	Kinh tế	CQ	Giỏi		VP			
14	Lê Thị Thanh	Phương		01/2/1985	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
15	Nguyễn Thị	Thảo		14/8/1990	KTQD	Toán kinh tế	Toán Tài chính	CQ	Giỏi	C	B			
16	Trịnh Thị	Thơm		30/9/1990	KTQD	Toán Tài chính	Toán Tài chính	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
17	Đàm Thanh	Thương		23/10/1988	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 720	CC ECDL			
18	Diêm Thị Thu	Trang		23/6/1990	HVNH	Ngân hàng Thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
19	Hà Thu	Trang	9/11/1985		Paris 12	KTQT	TCNH	CQ	Khá	C	B			
20	Nguyễn Thị Huyền	Trang		13/10/1988	Toulon (Pháp)	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP			
21	Bùi Thị Minh	Trâm		9/7/1989	KTQD	Thống kê kinh doanh	Kinh tế (Thống kê KT)	CQ	Giỏi	C	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Địa điểm: Phòng họp Vụ Chính sách tiền tệ - Tầng 1 - Nhà C (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Nguyễn Ngọc Phương	Anh		12/11/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 770	B			
2	Nguyễn Nhật	Anh		7/10/1990	ĐH Minh Truyền (Trung Quốc)	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi					
3	Thiều Phương	Anh		29/2/1988	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
4	Nguyễn Thị Hà	Chi		08/8/1990	ĐHNT	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
5	Vũ Văn	Chung	12/10/1990		HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
6	Nguyễn Việt	Dũng	11/12/1986		KTQD	KTPT	Kinh tế	CQ	Khá	IELTS 6.0	C			
7	Chu Minh	Đức	23/09/1990		Ngoại thương	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
8	Lưu Hương	Giang		05/9/1988	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
9	Phạm Thái	Hà		22/4/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	C			
10	Phạm Thị	Hạnh		10/09/1989	KTQD	KT Đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 560	B			
11	Lê Thị Thu	Hằng		26/6/1984	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
12	Mai Thị Thu	Hằng		1/7/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
13	Ngô Thanh	Hằng		2/4/1988	KTQD	Kinh tế phát triển	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
14	Phạm Thị Thúy	Hằng		08/1/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
15	Vũ Diễm	Hằng		10/9/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
16	Nguyễn Thị Thu	Hiền		01/01/1988	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Khá	C	B	Con TB		
17	Phan Thanh	Hiền		02/10/1987	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Khá	IELTS 6.5	B			
18	Nguyễn Hữu	Hiếu	24/02/1990		KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi					
19	Dương Quỳnh	Hoa		12/01/1991	KTQD	Toán KT	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 950	B			
20	Võ Thị Kiều	Hoa		20/5/1988	HVNH	NHTM	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			

Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012

21	Vũ Xuân	Hòa	05/15/1990		ĐH QGHN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
22	Lê Đình	Hoan	05/05/1990		HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
23	Lê Ngọc	Huyền		02/08/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 875	B			
24	Nguyễn Thị	Huyền		28/8/1989	KTQD	Thống kê kinh tế	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
25	Nguyễn Thị	Huyền		19/11/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 725	B			
26	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		18/2/1991	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 715	B			
27	Trần Thu	Huyền		1/7/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
28	Mai Thị	Hương		19/4/1981	KTQD	Thống kê KT	Kinh tế	CQ	Khá	C	B			
29	Nguyễn Thị Lan	Hương		20/12/1988	HVNH	NHTM	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	C			

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
		Nam	Nữ										
30	Phạm Thị Thanh Hương		21/01/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	C			
31	Nguyễn Thị Hường		21/4/1990	KTQD	Toán TC	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 600	C			
32	Phan Hoàng Lan		28/5/1988	ĐH Smith (Mỹ)	Kinh tế (phát triển)	Kinh tế	CQ	Giỏi		VP			
33	Đỗ Mỹ Linh		20/9/1983	HVNH	Kế toán kiểm toán NH	TCNH	CQ	Giỏi	ĐH	C			
34	Nguyễn Ngọc Linh		06/5/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 885	B			
35	Nguyễn Thị Thùy		16/8/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP			
36	Nguyễn Thị Thúy		7/12/1988	KTQD	Toán Tài chính	Toán Kinh tế	CQ		C	B			
37	Nguyễn Thùy		15/10/1988	KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	C	B			
38	Đào Thị Thanh Loan		01/11/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	TOEIC 650	VP			
39	Vũ Thị Thanh Loan		24/3/1989	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
40	Vũ Thị Luận		24/6/1989	KTQD	KT học	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			

Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012

41	Nguyễn Thị Lương		12/4/1990	KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	C	B	Con BB		
42	Nguyễn Thị Ngọc Mai		28/12/1989	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
43	Trần Thị Mai		11/10/1982	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Khá	C	B	Con BB		
44	Nguyễn Thị Mẫn		08/09/1990	KTQD	KTPT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	THVP			
45	Lê Thị Hồng Na		08/11/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
46	Đoàn Quỳnh Nga		13/5/1989	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
47	Bùi Phương	Ngân		09/5/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
48	Phạm Thị	Ngân		21/06/1987	KTQD	KT Đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
49	Nguyễn Bích	Ngọc		03/10/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	C			
50	Nguyễn Lâm	Ngọc		17/11/1989	KTQD	Tài chính DN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
51	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		12/7/1989	KTQD	Toán KT	Toán KT	CQ	Giỏi	C	VP			
52	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		04/04/1986	ĐH QGHN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
53	Lê Thị	Nhung		06/12/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
54	Tạ Thu Hồng	Nhung		19/01/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
55	Nguyễn Kiều	Oanh		10/9/1990	HVNH	KD chứng khoán	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
56	Hoàng Ngọc	Phong	06/11/1990		KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
57	Trần Hà	Phương		22/8/1990	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 890	B			
58	Phạm Thị Hồng	Phượng		15/4/1984	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
59	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh		17/3/1989	HVNH	TCDN	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	C			
60	Lê Thế	Tài	30/4/1990		KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012														
61	Nguyễn Hồng	Tân		22/7/1990	KTQD	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	C	C			
62	Nguyễn Việt	Tuấn	30/12/1990		KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 715	B			
63	Hà Huyền	Thanh		13/2/1987	ĐH Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
		Nam	Nữ										
64	Trần Thị Thịnh		27/02/1989	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
65	Trần Minh Thu		02/9/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
66	Bùi Thị Thanh Thủy		6/3/1988	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B			
67	Dương Thị Thanh Thủy		20/09/1990	KTQD	KT Đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	C	Con TB		
68	Đặng Thu Thủy		10/3/1990	HVNH	KD chứng khoán	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
69	Phạm Bích Thủy		07/01/1988	KTQD	KT kế hoạch	Kinh tế	CQ	Giỏi	B	B			
70	Trần Thị Thu Thủy		2/8/1989	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
71	Nguyễn Huyền Trang		14/07/1990	KTQD	KTPT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	C			
72	Trần Đức Văn	4/9/1989		KTQD	KTPT	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B	chất độc hh		
73	Bùi Thị Cẩm Vân		26/9/1990	KTQD	Kinh tế đầu tư	Kinh tế	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
74	Nguyễn Thị Thảo Vân		13/10/1989	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			
75	Nguyễn Thu Vân		24/7/1985	DL. Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
76	Nguyễn Thị Vinh		09/02/1990	KTQD	KTĐT	Kinh tế	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	VP			
77	Đào Thị Hải Yến		27/6/1988	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá		B	Con TB		

VIỆT NAM

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐTD CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN TW NĂM 2012

Bản số 2

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI**

Địa điểm: Phòng họp Vụ Quản lý ngoại hối (Phòng 514) - Tầng 5 (Đi cổng 16 Tông Đản - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Cao Sỹ Thế	Anh	18/12/1987		ĐHKTTCTW Trung Quốc	Kinh tế và thương mại QT	KTĐN	CQ	Giỏi		B			
2	Hoàng Quỳnh	Anh		15/2/1990	ĐH Mount Holyoke, Mỹ	Kinh tế quốc tế	KTĐN	CQ	Xuất sắc	học ĐH tại Mỹ	THVP			
3	Nguyễn Lan	Anh		14/5/1987	Ngoại giao	Kinh tế quốc tế	KTĐN	CQ	Khá	C	B			
4	Trần Khánh	Chi		5/7/1989	ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 955	B			
5	Trần Thị	Du		30/10/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C				
6	Đỗ Thị Thu	Giang		25/5/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 835	C			
7	Lê Thị Thu	Hà		15/09/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
8	Nguyễn Nghệ	Hà		03/12/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
9	Nguyễn Thị Hồng	Hà		02/4/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 920	B			
10	Nguyễn Mai	Hào		21/1/1990	Ngoại thương	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
11	Nguyễn Thị	Hạt		02/11/1990	ĐH QGHN	Thương mại QT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
12	Dương Thúy	Hằng		28/09/1990	Ngoại thương	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
13	Ngô Vĩnh	Hằng		12/7/1989	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng		3/10/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Xuất sắc	C	B			
15	Dương Thị Minh	Hoa		12/11/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	C			
16	Nguyễn Thị	Huệ		20/11/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TAGT	B			
17	Bùi Thị Thanh	Huyền		16/11/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 795	B			
18	Ngô Thị	Huyền		01/08/1988	KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
19	Trần Thị Thu	Hương		19/09/1986	ĐH QGHN	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	C			
20	Nguyễn Thị Thu	Hường		14/12/1987	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	C			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
21	Nguyễn Bảo	Lâm		25/10/1990	Ngoại thương	TMQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
22	Hoàng Hoa	Lê		03/12/1988	KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 805	C			
23	Hoàng Quý	Lê		03/12/1988	KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 775	C			
24	Võ Thanh	Lê		30/11/1986	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Khá	C	B	Con TB		
25	Đặng Thị	Lệ		25/6/1989	ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
26	Lê Thùy	Linh		16/9/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 805	C			
27	Nguyễn Thúy	Linh		03/12/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
28	Trần Thị Mai	Linh		29/11/1990	KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
29	Nguyễn Hạnh	Mai		15/01/1989	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
30	Phạm Lê	Mai		20/4/1991	ĐH bang Colorado	Kinh tế quốc tế	KTĐN	CQ	Giỏi		B			
31	Quản Thị Hạnh	Mai		27/10/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
32	Vũ Huyền	My		12/10/1990	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
33	Đào Phan Thanh	Ngà		03/03/1988	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
34	Lê Thị Minh	Ngọc		26/8/1989	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
35	Đặng Thị Kim	Nhung		26/12/1986	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
36	Nguyễn Thị	Nhung		1/6/1984	ĐH Ngoại thương	Kinh tế ngoại thương	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 655				
37	Phạm Thị Kiều	Oanh		31/10/1990	KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
38	Chu Thị Hiền	Phương		30/6/1989	ĐHNT	TMQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
39	Đinh Thị Linh	Phương		12/10/1988	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B	DT Mường		
40	Mai Đình	Phương	29/11/1990		ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	KTĐN	CQ	Giỏi	C				
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
41	Đinh Mạnh	Quân	07/04/1990		KTQD	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
42	Đỗ Hoàng	Quý	18/7/1988		HVKHCN Hoa Bắc, Trung Quốc	Kinh tế quốc tế và mậu dịch	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
43	Tạ Duy	Quý	15/09/1989		Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 700	B	Con BB		
44	Đào Hồng	Quyên		15/1/1983	ĐH Plêkhanốp-Nga	KTQT	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
45	Nguyễn Thị	Quyên		20/8/1987	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
46	Trịnh Thị	Quyên		09/11/1987	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
47	Trịnh Xuân	Quỳnh		27/02/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	B			
48	Bùi Viết	Sang	09/3/1990		Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	C	VP			
49	Đặng Hồng	Tâm		21/08/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Xuất sắc	IELTS 8.0	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
50	Ngô Minh	Tâm		23/6/1988	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B	Con TB		
51	Vũ Minh	Tâm	07/05/1990		Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Xuất sắc	TOEIC 955	B			
52	Nguyễn Phương	Thảo		27/7/1990	ĐH Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
53	Trần Thu	Thủy		29/11/1988	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
54	Dương Thị Thu	Trang		14/12/1988	HVTC	TCQTế	TCNH	CQ	Khá	TOEIC 840	B			
55	Hoàng Thị	Trang		20/01/1989	ĐH QGHN	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
56	Nguyễn Thị Minh	Trang		13/10/1990	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	TOEIC 700	B			
57	Nguyễn Ngọc Tú	Uyên		27/01/1991	ĐHNT	KTĐN	KTĐN	CQ	XS	IELTS 6.5	B			
58	Phan Thị Quỳnh	Vân		27/7/1981	Ngoại thương	KTĐN	KTĐN	CQ	Khá	TOEFL 563	B			
59	Đoàn Thị	Yên		03/5/1981	ĐHQG HN	KTĐN	KTĐN	CQ	Giỏi	ĐH	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN





NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐTB CÔNG CHỨC LOẠI C
NHINTV NĂM 2012

Bản số 12

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
CỤC CÔNG NGHỆ TIN HỌC**

Địa điểm: Phòng họp số 2 - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012



TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Lê Ngọc	Anh	02/9/1990		Giao thông	Công nghệ phần mềm	Tin học	CQ	TBK	C	B			
2	Lê Ngọc	Anh	10/12/1990		ĐHQG	Khoa học máy tính	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
3	Phan Thế	Anh	14/11/1980		GTVT	Viễn thông	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
4	Đỗ Tuấn	Cường	13/4/1986		ĐHBK	CNTT	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
5	Nguyễn Tuấn	Cường	22/4/1989		ĐH CNQG Matl (Nga)	CNTT	Tin học	CQ	Giỏi	ĐH bằng TA	ĐH			
6	Phạm Văn	Chiêm	26/3/1989		HV Công nghệ bưu chính VT	Công nghệ thông tin	Tin học	Liên thông	TBK	C	ĐH			
7	Nguyễn Thị	Chiến		16/4/1988	Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	CNTT	Tin học	CQ	Giỏi	C	ĐH			
8	Lê Hồng	Dương	02 /12 1987		ĐHBK	ĐTVT	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
9	Trần Ngọc	Điệp	30/7/1987		ĐHBK	ĐTVT	Tin học	CQ	Khá	TOEFL 433	ĐH			
10	Nguyễn Thị	Hạt		29/12/1988	Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	CNTT	Tin học	CQ	Giỏi	C	ĐH			
11	Vũ Quốc	Hiệp	02/5/1989		Viện ĐH Mở	TH ứng dụng	CNTT	CQ	TBK	C	ĐH			
12	Vũ Đình	Hiệu	06/05/1988		Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	CNTT	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
13	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		17/9/1982	KTQS	Tin học	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Nguyễn Hải	Hòa	21/12/1987		Đông Đô	ĐT-VT	Tin học	CQ	Khá	B	ĐH			
15	Vũ Hồng	Hoan	01/2/1990		ĐH Bách khoa HN	Hệ thống thông tin	Tin học	CQ	Khá	TOEIC 625	ĐH			
16	Trần Viết	Hùng	19/08/1984		GTVT	Công nghệ phần mềm	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH	Con BB		
17	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		04/10/1990	HVNH	HT thông tin quản lý	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
18	Nguyễn Văn	Hưng	24/12/1982		Pune, Ấn Độ	Tin học ứng dụng	Tin học	CQ	Khá	ĐH bằng TA	ĐH			
19	Nguyễn Thu	Hương		01/10/1990	HVNH	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học	CQ	Giỏi	C	ĐH			
20	Trần Thị Thanh	Hương		27/9/1982	ĐH Mở	Tin học quản lý	Tin học	CQ	TBK	B	ĐH			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
21	Nguyễn Trung	Kiên	22/9/1989		Thái Nguyên	CNTT	Tin học	CQ	TBK	B	ĐH			
22	Nguyễn Thị	Lan		07/11/1989	ĐH Thái Nguyên	Mạng máy tính và truyền thông	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
23	Mai Tùng	Linh	01/8/1990		HVNH	Hệ thống thông tin kinh tế	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
24	Nguyễn Thùy	Linh		08/11/1990	KTQD	Tin học kinh tế	Tin học	CQ	Giỏi	C	ĐH			
25	Trịnh Thị Phương	Linh		02/8/1990	HVNH	Hệ thống thông tin kinh tế	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
26	Nguyễn Thị	Mai		13/7/1990	HVNH	Tin học ngân hàng	Tin học	CQ	Giỏi	C	ĐH			
27	Hoàng Quốc	Minh	23/02/1990		ĐH Thương mại	HT thông tin quản lý	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
28	Nguyễn Thị Thanh	Na		2/1/1989	Đại học Công nghệ - ĐHQG	Công nghệ thông tin	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
29	Hà Văn	Ninh	18/9/1989		ĐH Giao thông VT HN	Kỹ thuật điện tử và Tin học công nghiệp	Tin học	CQ	TBK	C	ĐH			
30	Đặng Thị Thanh	Nga		02/5/1985	Tổng hợp Kỹ thuật điện (Nga)	Công nghệ phần mềm	CNTT	CQ	Khá hoặc Giỏi	Nga	ThS			
31	Đồng Danh	Ngọc	22/06/1988		KTQD	Khoa học máy tính	Tin học	CQ	TBK	C	ĐH			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
32	Nguyễn Minh	Ngọc		11/12/1990	HVNH	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học	CQ	Khá	C	B			
33	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		20/10/1989	ĐH CNTT&TT	Mạng máy tính và truyền thông	Tin học	CQ	TBK	C	ĐH			
34	Lê Thị	Nguyên		03/5/1990	HVNH	HT thông tin quản lý	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
35	Nguyễn Công	Nguyên	18/8/1988		SP kỹ thuật Nam Định	TH ứng dụng	CNTT	CQ	Khá	B	ĐH			
36	Phạm Thị Hồng	Nhung		19/6/1989	Bách khoa HN	Công nghệ thông tin	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
37	Trịnh Thị Thu	Phương		18/5/1990	ĐH CNTT&TT	Hệ thống thông tin	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
38	Nguyễn Minh	Quang	5/6/1989		Viện ĐH mở HN	Tin học ứng dụng	Tin học	CQ	Khá	TOEIC 415	ĐH			
39	Phạm Văn	Quang	05/10/1987		ĐH Công nghệ QG Nga	CNTT	CNTT	CQ	Giỏi	C	ĐH			
40	Phạm Văn	Quang	19/01/1988		ĐHBK	CNTT	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
41	Đàm Trần	Quyền	26/12/1990		ĐHQGHN	Khoa học máy tính	CNTT	CQ	Khá	Học ĐH bằng TA	ĐH			
42	Nguyễn Tiến	Quyết	22/09/1987		ĐHBK	ĐTVT	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
43	Đinh Thị	Quỳnh		22/9/1988	ĐH Thái Nguyên	Mạng máy tính và truyền thông	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
44	Nguyễn Thị	Tâm		02/9/1990	HVNH	HT thông tin quản lý	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
45	Nguyễn Thế	Tùng	09/12/1989		KTQD	CNTT	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
46	Trần Thanh	Tùng	22/10/1984		HV Kỹ thuật QS	Điện tử	Tin học	CQ	Khá	B	ĐH	SQuan dự bị		
47	Nguyễn Văn	Tuyến	09/10/1981		ĐHBK	Toán Tin ứng dụng	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
48	Nguyễn Hữu	Thành	02/5/1990		HVNH	Hệ thống thông tin	Tin học	CQ	Khá	C	ĐH			
49	Nguyễn Trung	Thành	02/01/1980		Phương Đông	ĐTVT	Tin học	CQ	TBK	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
50	Nguyễn Việt	Thành	08/6/1982		BKHN	Toán Tin	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
51	Trần Đình	Thành	01/6/1989		BKHN	ĐT-VT	CNTT	CQ	Khá	C	ĐH			
52	Trần Thị Phương	Thảo		10/10/1989	Giao thông	Kỹ thuật viễn thông	Tin học	CQ	Khá		ĐH			
53	Vũ Thị Thanh	Thảo		18/12/1989	Thái Nguyên	Mạng máy tính	Tin học	CQ	Khá	B	ĐH			
54	Đào Trọng	Thắng	05/10/1985		BKHN	CNTT	CNTT	CQ	TBK	B	ĐH			
55	Ngô Toàn	Thắng	8/12/1985		Trường máy tính GENETIC	Máy tính	Tin học	CQ		TOEIC 640	ĐH			
56	Lê Thị	Thiện		20/01/1989	ĐH Mở	Tin học ứng dụng	Tin học	CQ	Khá	B	ĐH			
57	Dương Thị	Thu		12/5/1986	SP kỹ thuật Hưng Yên	CNTT	CNTT	CQ	TBK	C	ĐH			
58	Nguyễn Thu	Thủy		12/12/1987	SPKT Hưng Yên	CNTT	CNTT	CQ	Khá	B	ĐH			
59	Nguyễn Thị Huyền	Thương		18/2/1988	KTQD	Tin học kinh tế	Tin học	CQ	Giỏi	TOEFL437	ĐH			
60	Bùi Đức	Trung	21/09/1983		ĐHBK Kharcov	Khoa học máy tính	Tin học	CQ	Khá		ĐH			
61	Vũ Anh	Trưởng	06/11/1989		FPT	Kỹ thuật phần mềm	CNTT	CQ	Khá		ĐH			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
14	Phạm Thị	Anh		12/1/1991	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
15	Phan Thị Tuyết	Anh		04/12/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 760	B			
16	Quách Tú	Anh		12/3/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
17	Trịnh Tuấn	Anh	8/2/1990		HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
18	Trương Thị Vân	Anh		19/9/1989	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
19	Trương Thị Vân	Anh		4/10/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
20	Vũ Tuấn	Anh	25/12/1990		KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 (Bản số 16)														
21	Cao Việt	Ánh		19/6/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi					
22	Hoàng Ngọc	Bích		23/4/1990	KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
23	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		21/7/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
24	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		29/11/1990	KTQD	Tài chính QT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
25	Hà Minh	Châu		25/9/1989	Kinh doanh & CN HN	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	B	B			
26	Phạm Minh	Châu		15/7/1987	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
27	Đỗ Linh	Chi		13/4/1987	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
28	Lê Thị Linh	Chi		05/8/1990	HVNH	Kinh doanh chứng khoán	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
29	Lê Hồng	Chiến	6/5/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
30	Nguyễn Thị	Diễm		18/9/1990	HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
31	Trần Thị Phương	Diệp		17/7/1989	HVNH	Ngân hàng	TCNH	Liên thông	Giỏi	TOEIC 745	B			
32	Lê Thị	Diệu		26/6/1990	KTQD	Kế toán TH	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
33	Đinh Thị	Dung		24/7/1988	HVTC	Kiểm toán	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			



**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
SỞ GIAO DỊCH**

Địa điểm: Thí sinh có số thứ tự từ 001 -> 150 phỏng vấn tại Phòng họp Sở Giao dịch - Tầng 2 (Đi cổng 16 Tông Đản - Hoàn Kiếm - Hà Nội)
Thí sinh có số thứ tự từ 151 -> 297 phỏng vấn tại Phòng họp số 6 - Sảnh A (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)
Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 (Bản số 16)														
1	Trần Thị Thúy	An		09/8/1990	Kinh tế quốc dân	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
2	Bùi Kim	Anh		6/8/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
3	Đào Việt	Anh		05/3/1990	ĐH Thương mại	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
4	Đỗ Thị Kiều	Anh		21/11/1990	Kinh doanh & CN HN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
5	Đỗ Thị Vân	Anh		24/1/1990	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
6	Hoàng Tuấn	Anh	10/10/1990		Ngoại thương	TCQTế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 650	B			
7	Lưu Thị Quỳnh	Anh		15/01/1990	ĐH Vinh	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
8	Nguyễn Khoa Nhật	Anh		10/8/1990	Viện ĐHCN Toulon	TCNH bảo hiểm	TCNH	CQ	Khá	C	THVP			
9	Nguyễn Phương	Anh		7/12/1990	KTQD	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	TOEFL 78	B			
10	Nguyễn Tuấn	Anh	6/12/1990		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
11	Nguyễn Thái	Anh	31/8/1990		ĐHNT	Tài chính QT	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 685	B			
12	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		09/3/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
13	Nguyễn Vân	Anh		3/9/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 785	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
34	Đỗ Thị	Dung		17/3/1990	HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 740	B			
35	Lê Thị	Dung		6/8/1984	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
36	Lê Thị Kim	Dung		30/7/1990	KTQD	NH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
37	Nguyễn Thị Lê	Dung		14/7/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT		Giỏi	C	B			
38	Phạm Phương	Dung		08/5/1988	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 580	B			
39	Nguyễn Ngọc	Duyên		31/1/1991	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	C			
40	Lại Thùy	Dương		9/12/1990	KTQD	TC doanh nghiệp	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012 (Bàn số 16)														
41	Ngô Thùy	Dương		20/01/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	VP			
42	Nguyễn Thùy	Dương		27/7/1990	ĐH Hà Nội	TCNH-Tiếng Anh	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5 của	B			
43	Lê Đức	Đạt		2/9/1990	HVTC	Quản lý Tài chính công	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 430	B			
44	Nguyễn Thành	Đạt	14/6/1990		HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	Ietls 6,5	B			
45	Đinh Ngọc	Diệp		6/2/1988	ĐH Duy Tân Đà Nẵng	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
46	Trần Thị Bích	Diệp		08/3/1989	HVNH	NHTM	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	x			
47	Hà Minh	Đức	7/9/1990		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 690	B			
48	Biện Thị Hà	Giang		27/7/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
49	Hoàng Thị Linh	Giang		25/9/1990	HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
50	Lê Thị Thùy	Giang		25/6/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Xuất sắc	TOEFL 915	B			
51	Nguyễn Thị Hương	Giang		23/1/1991	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 600	B			
52	Phạm Thị Thu	Giang		3/12/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 760	B			
53	Vũ Thùy	Giang		22/11/1990	Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
54	Cao Thu	Hà		27/12/1986	KTQD	Kế toán TH	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
55	Đinh Thị Thu	Hà		3/4/1989	Ngoại thương	Đầu tư tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
56	Đỗ Thị Thúy	Hà		01/01/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Xuất sắc	TOEIC 820	VP			
57	Lê Thị Thu	Hà		20/5/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
58	Lê Việt	Hà		19/8/1990	ĐHNT	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
59	Lý Thu	Hà		21/8/1990	ĐH Mở	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	B	B	DT Tày		
60	Nguyễn Diệp	Hà		8/5/1990	KTQD	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012 (Bản số 16)														
61	Nguyễn Thị Hoàng	Hà		25/2/1989	DL. Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			
62	Nguyễn Thị Thu	Hà		19/8/1990	HVTC	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
63	Nguyễn Thu	Hà		27/11/1987	KTQD	Kiểm toán	KTKT		Giỏi	C	B			
64	Phạm Thị Thu	Hà		23/10/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
65	Tăng Thị	Hà		30/6/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
66	Trần Ngọc	Hà		29/9/1990	ĐH Ngoại thương	QTKD quốc tế	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
67	Vũ Ngọc	Hà		26/12/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
68	Vũ Thị	Hà		15/7/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
69	Đinh Xuân	Hải	2/5/1990		KTQD	Ngân hàng	TCNH		Giỏi	C	B			
70	Nguyễn Thị	Hải		19/8/1989	HVTC	Tài chính DN	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	THVP			
71	Hà Thái Vân	Hạnh		24/8/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
72	Nguyễn Thị	Hạnh		2/8/1990	HVTC	QL tài chính công	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
73	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		08/9/1987	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
74	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		23/10/1990	ĐH Ngoại thương	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
75	Vi Thị	Hạnh		6/3/1986	KTQD	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 (Bàn số 17)														
76	Đỗ Thanh	Hằng		9/9/1990	HVNH	KT DN	KTKT	CQ	Khá	TOEIC 725	B			
77	Lê Thị Thu	Hằng		14/8/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
78	Mai Thị Thu	Hằng		05/7/1983	KTQD	Kinh tế TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
79	Nguyễn Lê	Hằng		1/1/1988	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
80	Nguyễn Thu	Hằng		23/9/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
81	Trần Thị Thu	Hằng		02/4/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
82	Trần Thị Thu	Hằng		15/3/1990	HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
83	Vũ Thị	Hằng		12/01/1987	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
84	Trần Mai	Hân		28/10/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
85	Nguyễn Thị Minh	Hiền		27/5/1988	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
86	Nguyễn Thị Thu	Hiền		27/7/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
87	Phan Ngọc	Hiền		20/01/1991	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
88	Phan Thu	Hiền		29/9/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
89	Trần Thị Thu	Hiền		26/8/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
90	Vũ Thị	Hiền		21/12/1990	KTQD	KT doanh nghiệp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
91	Đào Thúy	Hoa		15/11/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
92	Đỗ Thanh	Hoa		27/1/1991	ĐH Ngoại thương	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 830	B			
93	Mã Mai	Hoa		04/10/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
94	Nguyễn Kim	Hoa		10/6/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
95	Phạm Thị Hạnh	Hoa		12/10/1990	ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
96	Nguyễn Khánh	Hòa		18/9/1990	Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 890	C			
97	Phạm Thị Khánh	Hòa		8/1/1986	ĐH Thăng Long	Tài chính kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
98	Nguyễn Ánh	Hồng		23/12/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Mường		
99	Nguyễn Thị	Hồng		16/12/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
100	Nguyễn Thị Ánh	Hồng		30/7/1985	ĐH KD&CN	Tài chính kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	THVP			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 (Bàn số 17)														
101	Bùi Thị Hương	Huệ		19/8/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
102	Nguyễn Thị	Huệ		23/2/1990	HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
103	Hàn Quang	Huy	15/01/1986		ĐH GOETTING	Tài chính - Kế toán - thuế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
104	Bùi Thị Thanh	Huyền		12/4/1988	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
105	Bùi Thu	Huyền		30/9/1990	ĐH Ngoại thương	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
106	Lê Thị	Huyền		09/1/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
107	Lưu Thị Minh	Huyền		7/1/1990	KTQD	TCQTế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 650	B			
108	Nguyễn Thị	Huyền		27/2/1988	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 650	B			
109	Tô Thanh	Huyền		02/10/1990	HVNH	Tin học NH	Tin học	CQ	Khá	C	B			
110	Doãn Thị Quỳnh	Hương		06/9/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
111	Dương Thị Lan	Hương		19/2/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 675	B			
112	Đỗ Thị	Hương		17/11/1989	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
113	Đỗ Thị Thiên	Hương		16/8/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
114	Đỗ Thị Thu	Hương		10/4/1989	KTQD	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
115	Hoàng Lan	Hương		26/12/1987	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
116	Hoàng Lan	Hương		28/12/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
117	Hoàng Thu	Hương		25/12/1989	HVNH	KTDN	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
118	Lê Thị	Hương		16/12/1990	HVNH	Kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
119	Lê Thị Thu	Hương		20/12/1988	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
120	Lương Thị	Hương		16/3/1990	HV Hành chính	Tài chính công	TCNH	CQ	Giỏi	B	THVP			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012 (Bàn số 17)														
121	Mai Thị	Hương		04/7/1987	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
122	Nguyễn Quỳnh	Hương		2/1/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
123	Nguyễn Thị Mai	Hương		19/1/1988	ĐH Công nghiệp	Kế toán	KTKT	Liên thông	Giỏi	C	B			
124	Nguyễn Thị Ngọc	Hương		16/3/1990	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 640	B			
125	Nguyễn Thị Thanh	Hương		19/3/1986	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
126	Nguyễn Thị Thu	Hương		17/11/1990	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 755	B			
127	Nguyễn Thu	Hương		7/10/1990	ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
128	Phạm Lan	Hương		09/3/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 790	C			
129	Tô Thị Ngọc	Hương		8/6/1987	HVNH	NH thương mại	TCNH		Giỏi	C	B			
130	Vũ Lan	Hương		20/7/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
131	Vũ Mai	Hương		11/11/1987	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
132	Nguyễn Thị	Lam		13/9/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
133	Đặng Thị Thúy	Lan		12/10/1989	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
134	Nguyễn Thị	Lành		11/7/1988	ĐH Ngoại thương	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
135	Hoàng Thị Hồng	Liên		24/5/1990	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
136	Đinh Thị	Liễu		20/7/1984	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
137	An Phạm Thùy	Linh		7/12/1990	Ngoại thương	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	B	B			
138	Cao Thị Hồng	Linh		14/11/1990	KTQD	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 785	B			
139	Hoàng Thị Mai	Linh		20/1/1988	HVTC	QL tài chính công	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
140	Ngô Phương	Linh		31/10/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH		Xuất sắc	Ielts 6,0	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012 (Bàn số 17)														
141	Nguyễn Ngọc	Linh		12/10/1990	KD&CN	Kế toán	KT-KT	CQ	Giỏi	TOEIC 840	B			
142	Nguyễn Thùy	Linh		20/9/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
143	Nguyễn Thùy	Linh		1/11/1985	HVNH	Tài chính Ngân hàng	TCNH	CQ	Khá	C	B	Con TB		
144	Nguyễn Thùy	Linh		24/01/1990	HVTC	TCQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
145	Phạm Thị Thùy	Linh		28/10/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 735	VP			
146	Nguyễn Giang	Loan		23/12/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
147	Tô Thị Diệu	Loan		28/6/1987	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
148	Vũ Thị	Luận		8/6/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
149	Đàm Thị My	Ly		08/9/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 700	B			
150	Nguyễn Thị Ngọc	Lý		14/12/1990	Sunderland (học tại	TCNH	TCNH	LK	Giỏi	Ielts 6,0				
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 (Bàn số 18)														
151	Hà Thị	Mai		17/10/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
152	Lê Thị Ngọc	Mai		19/5/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
153	Nguyễn Phương	Mai		1/12/1987	ĐH Ngân hàng	TCNH	TCNH	CQ	Khá	IELTS 6.0	B			
154	Nguyễn Thị	Mai		16/2/1990	KTQD	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
155	Phạm Thị Phương	Mai		18/3/1989	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 765	B			
156	Đỗ Thị	Minh		14/12/1989	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	Liên thông	Giỏi	TOEIC 620	B			
157	Nguyễn Đức	Minh	16/9/1988		ĐH công nghệ QG	Tin học và kỹ thuật tính toán	Tin học	CQ	Giỏi	học bằng TA				
158	Nguyễn Yên	My		26/10/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 860	B			
159	Nguyễn Hải	Nam	02/11/1988		Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 475	B			
160	Nguyễn Hoài	Nam	20/8/1989		KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
161	Hoàng Thị	Nga		27/1/1990	HVTC	Kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
162	Quảng Thị Thu	Nga		18/2/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 680	B			
163	Hà Phương	Ngân		12/12/1990	ĐHNT	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
164	Nguyễn Hà	Ngân		23/3/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
165	Nguyễn Kim	Ngân		25/12/1984	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
166	Nguyễn Thị Minh	Ngân		12/7/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
167	Trịnh Thúy	Ngân		24/12/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	B			
168	Vũ Thị Mỹ	Ngân		19/4/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
169	Trịnh Thị	Ngoan		29/11/1990	Thương mại	Tài chính - NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
170	Lại Thị	Ngọc	19/5/1990		HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 (Bản số 18)														
171	Lê Bảo	Ngọc		29/7/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Xuất sắc	TOEIC 840	B			
172	Lê Thị Ánh	Ngọc		19/9/1990	HVNH	KDCK	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
173	Lương Bảo	Ngọc		21/10/1990	KTQD	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Tày		
174	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		3/4/1988	ĐH Tổng hợp	KTTM và TC	TCNH	CQ	Xuất sắc		B			
175	Trần Thị Bảo	Ngọc		5/8/1988	KTQD	Kế toán TH	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
176	Trần Thị Như	Ngọc		04/11/1990	ĐH Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 895	B			
177	Bùi Phương	Nguyên		20/5/1987	KTQD	QTNL	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
178	Bùi Thị	Nguyệt		1/6/1987	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 620	B			
179	Hoàng Thị	Nguyệt		16/3/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
180	Nguyễn Thị	Nguyệt		10/11/1989	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B	Con TB		
181	Nguyễn Thị	Nhài		03/10/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
182	Đinh Thị Thanh	Nhàn		1/9/1990	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
183	Trần Hương	Nhi		18/3/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.0	C			
184	Cao Thị Tuyết	Nhung		10/6/1988	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
185	Đinh Hồng	Nhung		20/5/1989	HVNH	Tài chính DN	TCNH	CQ	Giỏi	TOEFL ITP 513	B	Con BB		
186	Hoàng Thị	Nhung		19/9/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
187	Lê Thị	Nhung		2/9/1990	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
188	Ngô Thị Hải	Nhung		17/1/1988	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
189	Nguyễn Hồng	Nhung		16/7/1990	HVNH	Ngân hàng	TCNH	CQ	XS	TOEIC 795	B			
190	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		01/7/1990	ĐH Công đoàn	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012 (Bàn số 18)														
191	Phạm Thị Hồng	Nhung		02/12/1990	HVNH	TTQT	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
192	Nguyễn Thị Kim	Oanh		22/5/1988	HVNH	NH thương mại	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
193	Nhữ Thị Kim	Oanh		17/8/1988	HVNH	KTKT	KTKT	Liên thông	Giỏi	B	B			
194	Nguyễn Thị	Phúc		28/12/1989	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
195	Phan Đình	Phúc	23/2/1990		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
196	Nguyễn Bùi	Phương		9/10/1989	Kinh doanh & CN HN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
197	Nguyễn Thị Anh	Phương		18/1/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 805	B			
198	Nguyễn Thị Hà	Phương		27/5/1990	HVNH	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
199	Nguyễn Thị Thu	Phương		07/10/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
200	Nguyễn Thị Thu	Phương		8/2/1989	HVNH	Kinh doanh chứng khoán	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
201	Trần Thị	Phương		04/10/1990	KTQD	Kế toán TH	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
202	Trần Thị Mai	Phương		28/4/1991	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Xuất sắc	TOEIC 645	B			
203	Trần Thị Minh	Phương		23/02/1990	KTQD	Kiểm toán	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
204	Vũ Thị	Phương		20/11/1990	Ngoại thương	TCQTế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
205	Vũ Thị Lan	Phương		12/12/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 5.5	B			
206	Vũ Thị Nam	Phương		14/9/1986	ĐH Thương mại	QTKD	QTKD	CQ	Khá		B			
207	Bế Thị Minh	Phượng		26/3/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 820	B			
208	Lê Thị	Phượng		12/9/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 785	B			
209	Nguyễn Thị Bích	Phượng		30/8/1990	Kinh doanh & CN HN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
210	Nguyễn Đình	Quang	08/11/1990		HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 26/8/2012 (Bàn số 18)														
211	Nguyễn Thị Hồng	Quỳnh		6/9/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	C			
212	Lục Tiểu	Quỳnh		31/10/1990	KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
213	Lương Thị Ngọc	Quỳnh		19/8/1989	KTQD	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
214	Đặng Thị Mai	Sao		25/2/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
215	Đỗ Thái	Sơn	3/5/1990		HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
216	Ngô Thị	Sương		05/10/1990	HVNH	KD Chứng khoán	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 500	B			
217	Đặng Văn	Sỹ		19/6/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
218	Hán Thị Thanh	Tâm		17/1/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
219	Mai Thị Thanh	Tâm		17/10/1990	HVNH	Thanh toán QT	TCNH		Giỏi	C	C			
220	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		21/12/1990	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	TOEFL 655	THVP			
221	Trần Thị	Tâm		16/4/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
222	Vũ Thị	Tĩnh		11/7/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
223	Nguyễn Đức	Toàn		17/7/1990	KTQD	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	C	Con TB		
224	Dương Ngọc	Tú		2/7/1989	KTQD	TCDN	TCNH		Giỏi	C	B			
225	Nguyễn Duy	Tùng	27/4/1986		Koln (Đức)	QTKD	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
226	Nguyễn Sơn	Tùng		18/8/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012 (Bàn số 19)														
227	Nguyễn Ánh	Tuyết		31/7/1990	ĐH Ngoại thương	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
228	Đồng Thị Ngọc	Thanh		19/4/1988	ĐH Ngoại thương	Kinh doanh quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
229	Ngô Thị	Thanh		17/7/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
230	Trần Phương	Thanh		2/12/1989	KTQD	Ngân hàng	TCNH		Giỏi	C	B	Con TB		
231	Bùi Thị Thu	Thảo		22/2/1990	KTQD	Tài chính công	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP	DT Mường		
232	Dương Thị Phương	Thảo		9/11/1989	DL Thăng Long	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
233	Nguyễn Thị Thu	Thảo		17/7/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
234	Phạm Phương	Thảo		26/11/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Xuất sắc	C	B			
235	Phạm Phương	Thảo		19/10/1986	HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Khá	C	B			
236	Trần Phương	Thảo		05/10/1989	HVNH	NHTM	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
237	Trần Thị	Thảo		20/5/1990	KTQD	KT tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	VP			
238	Vũ Phương	Thảo		16/5/1988	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	Ielts 6,0	B			
239	Đoàn Thị	Thu		21/6/1990	ĐH Đại Nam	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 865	B			
240	Hoàng Thị Minh	Thu		22/12/1985	DL. Đông Đô	TCNH	TCNH	CQ	Khá	C	B			
241	Nguyễn Thị	Thu		1/3/1990	HVNH	Thanh toán QT	TCNH	CQ	Giỏi	B	B			
242	Nguyễn Thị Hà	Thu		24/4/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
243	Nguyễn Thị Phương	Thu		13/12/1990	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
244	Vũ Thị Hà	Thu		19/6/1990	HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
245	Đinh Thị	Thùy		26/11/1989	ĐH Quốc gia	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
246	Trần Thanh	Thùy		3/1/1991	HVTC	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012 (Bản số 19)														
247	Đào Thị Thu	Thùy		20/11/1986	ĐHQG	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 810	B	Con TB		
248	Lê Thu	Thùy		17/6/1989	ĐH KD&CN	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
249	Lưu Thanh	Thùy		30/1/1985	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
250	Nguyễn Thị	Thùy		03/1/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
251	Nguyễn Thị Minh	Thùy		24/11/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 7.0	B			
252	Nguyễn Thị Thu	Thùy		1/7/1985	HVNH	Kế toán NH	TCNH	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
253	Trịnh Thu	Thủy		20/10/1989	ĐH Thăng Long	ngân hàng	TCNH	CQ	Xuất sắc	C	B			
254	Trương Thị Bích	Thủy		26/11/1989	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 655	B			
255	Vũ Thị Thanh	Thủy		26/6/1988	HVNH	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
256	Vũ Thu	Thủy		11/4/1990		Kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
257	Hà Thị	Thúy		20/12/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
258	Nguyễn Thanh	Thúy		07/11/1989	ĐH Thương mại	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
259	Nguyễn Thị	Thúy		3/7/1990	HVTC	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
260	Nguyễn Thị Thu	Thúy		22/8/1989	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 710	VP			
261	Phạm Phương	Trà		3/3/1990	KTQD	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	CC	THVP			
262	Bùi Thị	Trang		29/4/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
263	Đào Thị Huyền	Trang		05/10/1988	Kinh doanh công nghệ	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
264	Đào Thu	Trang		6/3/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 750	B			
265	Đặng Thị Minh	Trang		2/2/1991	HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	Toeic 650	B			
266	Đinh Thị Thu	Trang		28/12/1990	HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012 (Bàn số 19)														
267	Đoàn Thị Thu	Trang		26/6/1988	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Khá	IELTS 5.5	B			
268	Lê Thị Thu	Trang		14/6/1990	KTQD	KT tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
269	Ngô Thị Thu	Trang		08/9/1990	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 680	B	Con TB		
270	Nguyễn Mai	Trang		14/11/1990	ĐHNT	QTKDQT	QTKD	CQ	Giỏi	C	B			
271	Nguyễn Quỳnh	Trang		24/3/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
272	Nguyễn Thị	Trang		10/9/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
273	Nguyễn Thị Huyền	Trang		27/6/1990	KTQD	TC doanh nghiệp	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 720	B			
274	Nguyễn Thị Huyền	Trang		22/1/1986	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Khá	IELTS 7.5				
275	Nguyễn Thị Huyền	Trang		26/8/1990	HVNH	NH thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
276	Nguyễn Thị Thảo	Trang		21/9/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 790	B			
277	Phạm Huyền	Trang		20/8/1989	HVNH	NH thương mại	TCNH	Liên thông	Xuất sắc	Toeic 675	B			
278	Trần Lê	Trang		21/1/1988	KTQD	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
279	Trần Thu	Trang		12/11/1990	HVNH	TCNH	TCNH		Giỏi	x	B			
280	Nguyễn Tô	Uyên		04/11/1986	ĐH Kinh tế Warsaw (Ba	Ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	Học ở Ba Lan	B			
281	Cao Thị Hồng	Vân		20/1/1990	ĐH Đại Nam	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 680	B			
282	Đặng Thị Mai	Vân		04/5/1989	HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Xuất sắc	C	B			
283	Lê Hồng	Vân		17/01/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	TOEFL 560	B			
284	Lê Ngọc	Vân		09/5/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
285	Nguyễn Thị	Vân		3/2/1990	ĐH Hà Nội	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	IELTS 6.5	B			
286	Nguyễn Thị Kiều	Vân		10/10/1989	HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Xuất sắc	C	B			
Thời gian: Từ 13h30 - 15h30 ngày 26/8/2012 (Bản số 19)														
287	Trần Thị Hồng	Vân		05/12/1987	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
288	Trần Thị Mai	Vân		20/2/1990	DL Phương Đông	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
289	Ngô Tuấn	Việt		21/1/1985	ĐH London Metropolitan	Dịch vụ tài chính	TCNH	CQ	Giỏi					
290	Thịnh Văn	Việt		12/10/1990	HVNH	Thanh toán quốc tế	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 760	B			
291	Lê Thị	Vinh		3/9/1990	KTQD	Kế toán TH	KTKT	CQ	Giỏi	C	THVP			
292	Phạm Thị	Vóc		30/10/1982	KTQD	Kinh tế Tài chính ngân hàng	TCNH	CQ	Khá	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
293	Nguyễn Thị	Xuân		5/2/1990	HVNH	Ngân hàng thương mại	TCNH	CQ	Giỏi	C	B	DT Tây		
294	Phạm Thị Lệ	Xuân		28/11/1990	KTQD	TCDN	TCNH	CQ	Giỏi	Toeic 855	B			
295	Đỗ Thị	Xuyến		05/2/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
296	Nguyễn Hải	Yến		18/3/1990	ĐH Ngoại thương	Tài chính ngân hàng	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
297	Trịnh Thị Hải	Yến		19/4/1989	KTQD	TTCK	TCNH	CQ	Giỏi	C	VP			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÒNG SƠ TUYỂN (VÒNG 1)
VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Địa điểm: Phòng họp Vụ Kiểm toán nội bộ - Phòng D204 - Nhà D (Đi cổng 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội)

Thời gian: Sáng từ 8h00 - 11h30, chiều từ 13h30 - 17h00 ngày 25, 26/8/2012



TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 25/8/2012														
1	Nguyễn Thị Tú	Anh		22/8/1988	HVTC	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
2	Nguyễn Thị Vân	Anh		19/8/1987	HVTC	Kế toán Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	TCNH	B			
3	Phùng Việt	Anh	16/1/1989		ĐH Sunderland (Anh)	Quản lý Kế toán tài chính	KTKT	CQ	Khá	Tyndale Level 4				
4	Trần Thị Lê	Ánh		7/5/1990	KTQD	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
5	Hán Thị	Bảy		01/9/1990	KTQD	Kiểm toán	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
6	Trần Nhữ	Cường	27/12/1988		HVTC	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
7	Lương Thị Hồng	Chi		09/10/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
8	Phạm Thị Khánh	Chi		30/6/1989	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
9	Lê Thị	Duyên		9/2/1990	HVTC	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	B	B			
10	Lê Thùy	Dương		8/12/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	TOEIC 480	B			
11	Đặng Thị Hương	Giang		7/7/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
12	Lê Thái Linh	Giang		4/12/1989	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B	Con TB		
13	Nguyễn Thị Thu	Giang		25/12/1989	KTQD	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	TOEIC 730	THVP			
14	Nguyễn Thùy	Giang		25/6/1987	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
15	Đinh Ngân	Hà		23/9/1984	HVTC	KTKT	KTKT	CQ	Khá	C	B			
16	Hoàng Thái	Hà		29/9/1983	HVTC	Kế toán DN	KTKT	CQ	Khá	IELTS 6.0; C	B			
17	Vũ Thanh	Hải	28/9/1990		HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
18	Hà Thúy	Hạnh		26/6/1985	KTQD	Ngân hàng	TCNH	CQ	Khá	C	B			
19	Lê Thu	Hạnh		12/12/1990	HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	THVP			
20	Dương Thị Thúy	Hằng		18/6/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	TOEIC 680				
Thời gian: Từ 13h30 - 17h00 ngày 25/8/2012														
21	Nguyễn Thị	Hằng		05/01/1989	HVTC	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
22	Trần Thị Minh	Hằng		24/8/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
23	Phạm Thị Thu	Hiền		11/7/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	VP			
24	Phan Hoàng Mai	Hiếu		9/6/1987	HVTC	Tài chính quốc tế	TCNH	CQ	Khá	C	B			
25	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		16/11/1986	HVTC	Quản lý tài chính công	TCNH	CQ	Khá	C	B			
26	Nghiêm Thu	Hồng		25/8/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
27	Nguyễn Thị	Huyền		17/3/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
28	Lại Thị	Hương		7/3/1989	HVTC	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
29	Ngôn Thị Mai	Hương		21/4/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B	DT Tày		
30	Nguyễn Thị Thanh	Hương		21/3/1987	HVTC	KTDN	KT-KT	CQ	Khá	C	B			
31	Nguyễn Thị Thu	Hương		17/9/1989	HVTC	KTDN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
32	Lê Ngọc	Linh		01/11/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
33	Nguyễn Thị	Loan		12/11/1990	HVTC	Kiểm toán	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
34	Trần Thị Phương	Ly		13/3/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
35	Hồ Thị	Mai		15/3/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	VP			
36	Lê Thị	Mai		11/6/1990	KTQD	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	VP nâng			
37	Trịnh Thị Thanh	Mai		20/4/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
38	Trần Thị Hoài	Ninh		10/12/1989	HVTC	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
39	Hoàng Thị	Ngà		6/5/1987	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
40	Vũ Thị	Nghĩa		10/8/1990	HVTC	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
Thời gian: Từ 8h00 - 11h30 ngày 26/8/2012														
41	Lưu Minh	Ngọc		08/11/1990	HVNH	NHTM	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
42	Nguyễn Thị Phương	Ngọc		06/3/1989	ĐH Hải Phòng	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
43	Nguyễn Thị	Nguyệt		05/05/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	VP			
44	Cao Thị	Nhung		08/6/1988	HVNH	TCNH	TCNH	Liên thông	Giỏi	C	B			
45	Đỗ Thị	Oanh		24/5/1990	HVNH	Kế toán DN	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
46	Trương Hồng	Quang		24/12/1989	ĐHQG	Tài chính	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
47	Đới Ngọc	Quỳnh		12/10/1990	KTQD	KT tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
48	Đường Thị	Tâm		25/2/1990	HVTC	Kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
49	Hoàng Thị	Thanh		06/12/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
50	Phùng Thu	Thanh		5/12/1987	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
51	Lê Thu	Thảo		12/11/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
52	Đặng Thị	Thắm		20/10/1989	ĐH Thương mại	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B	Con BB		

TT	Họ và tên		Ngày tháng NS		TN trường Đại học	Chuyên ngành ĐT	Chuyên ngành dự thi	Loại hình ĐT	Xếp loại TN	Ngoại ngữ (Anh)	Tin học	Ưu tiên	Thí sinh ký tên	Ghi chú
			Nam	Nữ										
53	Hồ Thị	Thắm		24/2/1990	KTQD	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
54	Trần Thị	Thắm		12/4/1988	HVTC	Kế toán	KT-KT	CQ	Khá	C	B			
55	Đỗ Thị	Thu		18/4/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Giỏi	C	B	Con BB		
56	Bùi Thị Thanh	Thùy		16/10/1990	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Xuất sắc	C	B	DT Tày		
57	Đặng Thanh	Thúy		2/9/1985	KTQD	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
58	Nguyễn Thị	Thúy		18/6/1988	HVTC	Kế toán DN	KTKT	Liên thông	Giỏi	B	B			
59	Ngô Thị Thùy	Trang		2/10/1990	ĐH Quốc tế Bắc Hà	Kiểm toán	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
60	Nguyễn Thị	Trang		24/9/1990	ĐH Thủy Lợi	Kế toán	KTKT	CQ	Giỏi	Toeic 465/990	B			
61	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		22/10/1989	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			
62	Nguyễn Thùy	Trang		28/02/1990	HVNH	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
63	Trần Thị Minh	Trang		18/9/1990	KTQD	Tài chính DN	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
64	Trần Thị Hồng	Vân		01/5/1989	KT-Kỹ thuật công nghiệp	Kế toán	KT-KT	CQ	Giỏi	C	B			
65	Nguyễn Thị Thúy	Vinh		26/01/1991	HVNH	KTKT	KTKT	CQ	Xuất sắc	C	B			
66	Nguyễn Thị	Vy		12/9/1989	Ngoại thương	TCNH	TCNH	CQ	Giỏi	C	B			
67	Vũ Thị Hải	Yến		29/6/1990	KTQD	Kế toán tổng hợp	KTKT	CQ	Giỏi	C	B			

Lưu ý: Thí sinh tham gia phỏng vấn mang theo giấy biên nhận thu hồ sơ và chứng minh thư hoặc giấy tờ khác thay thế chứng minh thư như: Giấy phép lái xe, Thẻ sinh viên ...

HỘI ĐỒNG THI TUYỂN